TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/**2023/DS-ST
Ngày: 19/6/2023
V/v T/C Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

2. Bà Hồ Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2023, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 88/2023/TLST-DS, ngày 13/04/2023 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2023/QĐXXST-DS ngày 18/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2023/QĐST-DS ngày 05/06/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ái H**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị A**, sinh năm 1962 (có mặt).

Ông **Lê Tấn P**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ái H trình bày: Bà Huỳnh Thị A cùng chồng là ông Lê Tấn P có làm chủ hụi, bà Lê Thị Ái H là hụi viên tham gia 01 dây hụi mùa (4 tháng) 3.000.000 đồng, mở lần đầu ngày 26/03/2015 âl, có 19 phần (trong giấy hụi ghi tên cô tư H). Ngày 26/03/2021 âl, bà Lê Thị Ái H hốt hụi chót được số tiền 54.000.000 đồng, trừ đầu thảo 1.500.000 đồng, còn lại số tiền 52.500.000 đồng. Bà A, ông P đã đưa tiền hụi cho bà Lê

Thị Ái H 42.500.000 đồng, còn nợ lại bà Lê Thị Ái H số tiền 10.000.000 đồng, hứa một vụ lúa sẽ trả tiền cho bà Lê Thị Ái H nhưng đến hẹn bà A, ông P không trả nên ông P đứng ra ký tờ thỏa thuận vay mượn tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, đến vụ lúa (4 tháng) trả lãi 01 lần, nhưng đến nay không trả lãi cũng không trả lại cho bà Lê Thị Ái H 10.000.000 đồng.

Nay bà Lê Thị Ái H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị A, ông Lê Tấn P có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ái H số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), yêu cầu tính lãi theo lãi suất 20%/năm kể từ ngày 26/09/2021 đến nay.

Bị đơn bà Huỳnh Thị A trình bày: Bà A thống nhất với tất cả lời trình bày và yêu cầu của bà H nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu được trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến hết số vốn và yêu cầu không tính lãi đã vay.

Đối với bị đơn ông Lê Tấn P: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án cho ông P nhưng ông P không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của ông P.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn P chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 288, 463, Điều 466, Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, Điều 2, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn được miễn án phí khi có đơn đề nghị theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Tấn P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn P1.

[1.1] Nguyên đơn H và bị đơn A đã thống nhất: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 10.000.000 đồng từ tiền hốt hụi chót. Thời điểm vay tính từ ngày 26/9/2023, có làm giấy tay do ông Lê Tấn P ký vay ngày 20/8/2021 âl (26/9/2023). Như vậy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đều thống nhất số nợ nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng, Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Lãi suất mà các bên thỏa thuận cao hơn so với quy định nhưng các bên đã thống nhất điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật là 20%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, vợ chồng bà A và ông P đã vi phạm nghĩa vụ khi không đóng lãi, trả vốn cho nguyên đơn H.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cần buộc bị đơn bà A và ông P trả lại cho bà H vốn vay là 10.000.000 đồng, đồng thời trả tiền lãi từ ngày 26/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/6/2023) là 20 tháng 23 ngày x 20%/năm x 10.000.000 đồng = 3.461.000 đồng.

[1.2] Đối với yêu cầu trả dần số nợ nêu trên của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này thuộc lĩnh vực thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà A và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên do bà A và ông P là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn bà Huỳnh Thị A và ông Lê Tấn P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Ái H số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng và lãi vay là 3.461.000 đồng. Tổng cộng là 13.461.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị Ái H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Thị A và ông Lê Tấn P còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Lê Thị Ái H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị đơn bà Huỳnh Thị A và ông Lê Tấn P được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa